

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ cho công tác hỗ trợ nạn nhân; chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 14

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cho công tác hỗ trợ nạn nhân; chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Điều 2. Mức chi hỗ trợ cho công tác hỗ trợ nạn nhân

1. Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định Bộ Luật lao động và Thông tư liên tịch số 08/2005/TT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chi lập hồ sơ nạn nhân, mức chi 100.000 đồng/01 hồ sơ (bao gồm cả ảnh, biên bản xác minh, biên bản bàn giao nạn nhân).

5. Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân. Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

6. Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân.

Mức chi thù lao: 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

Điều 3. Mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

1. Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại (áp dụng cho các nạn nhân trong cơ sở xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân).

a) Tiền ăn:

Đối với trẻ em dưới 04 tuổi: 1.350.000 đồng/tháng.

Đối với trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người trên 60 tuổi trở lên: 1.080.000 đồng/tháng.

Đối với người từ 16 tuổi đến đủ 60 tuổi: 810.000 đồng/tháng.

Thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng.

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: chăn, màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, dày, dép, bàn chải đánh răng, vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ, sách, vở, đồ dùng học tập đối với đối tượng đang đi học và các chi phí khác theo khoản 4 Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

c) Chi tiền tàu xe và tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả:

- Tiền tàu xe: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tiền ăn trong những ngày đi đường: 70.000 đồng/người/ngày.

2. Chi hỗ trợ y tế: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu

a) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú số tiền 1.000.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết cho HĐND tỉnh theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2020.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông (công báo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh